

**BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP**  
**KHÓA 8 (2016-2018) - ĐỢT 4, KỲ THI NGÀY 21/12/2018**

Môn: **LÝ THUYẾT TỔNG HỢP**

Giờ thi: **8h00**

Ngành:

Phòng thi:

| STT  | MSHS       | Số<br>BD | Số<br>phách | HỌ LÓT         | TÊN    | NGÀY SINH  | ĐIỂM<br>SỐ | ĐIỂM CHỮ      | GHI CHÚ |
|------|------------|----------|-------------|----------------|--------|------------|------------|---------------|---------|
| Y SĨ |            |          |             |                |        |            |            |               |         |
| 1    | 212796507  | Y01      | YS01        | Lương Hoài     | Ân     | 20/06/1995 | 5.0        | Năm           |         |
| 2    | 272129452  | Y02      | YS02        | Nguyễn Tuấn    | Anh    | 10/01/1992 | 7.0        | Bảy           |         |
| 3    | 24877623   | Y03      | YS03        | Đỗ Ngọc        | Chấn   | 10/11/1990 | 6.8        | Sáu phẩy tám  |         |
| 4    | 25681706   | Y04      | YS04        | Phùng Đức Bảo  | Châu   | 14/05/1981 | 7.8        | Bảy phẩy tám  |         |
| 5    | 172666341  | Y05      | YS05        | Nguyễn Văn     | Đạt    | 20/05/1989 | 7.1        | Bảy phẩy một  |         |
| 6    | 20651241   | Y06      | YS06        | Đỗ Ngọc        | Dũng   | 16/02/1962 | 6.0        | Sáu           |         |
| 7    | 272493152  | Y07      | YS07        | Ngô Ngọc       | Duy    | 14/04/1995 | 8.1        | Tám phẩy một  |         |
| 8    | 341849184  | Y08      | YS08        | Huỳnh Thị Thu  | Hà     | 09/10/1996 | 6.5        | Sáu phẩy năm  |         |
| 9    | 362388898  | Y09      | YS09        | Đoàn Thị Lệ    | Hằng   | 11/03/1994 | 6.8        | Sáu phẩy tám  |         |
| 10   | 184115661  | Y10      | YS10        | Cao Thị        | Hậu    | 08/01/1995 | 7.7        | Bảy phẩy bảy  |         |
| 11   | 25230758   | Y11      | YS11        | Huỳnh Trung    | Hiếu   | 14/07/1995 | 6.9        | Sáu phẩy chín |         |
| 12   | 271818333  | Y12      | YS12        | Huỳnh Minh     | Hoàng  | 20/09/1984 | 6.7        | Sáu phẩy bảy  |         |
| 13   | 25581549   | Y13      | YS13        | Nguyễn Duy     | Hoàng  | 30/09/1997 | 8.1        | Tám phẩy một  |         |
| 14   | 172666996  | Y14      | YS14        | Lê Văn         | Huân   | 04/05/1988 | 7.2        | Bảy phẩy hai  |         |
| 15   | 241183933  | Y15      | YS15        | Trần Duy       | Hưng   | 05/04/1990 | 7.6        | Bảy phẩy sáu  |         |
| 16   | 215374601  | Y16      | YS16        | Nguyễn Văn     | Minh   | 19/02/1996 | 5.3        | Năm phẩy ba   |         |
| 17   | 273659890  | Y17      | YS17        | Nguyễn Nhật    | Nam    | 01/01/1998 | 7.2        | Bảy phẩy hai  |         |
| 18   | 212257497  | Y18      | YS18        | Chê Thị Mỹ     | Ngọc   | 26/09/1991 | 8.3        | Tám phẩy ba   |         |
| 19   | 230605271  | Y19      | YS19        | Võ Minh        | Nhật   | 28/09/1985 | 8.1        | Tám phẩy một  |         |
| 20   | 212370075  | Y20      | YS20        | Phạm Thị Ánh   | Phấn   | 14/05/1994 | 7.0        | Bảy           |         |
| 21   | 215210178  | Y21      | YS21        | Trương Văn     | Pháp   | 02/06/1993 | 7.0        | Bảy           |         |
| 22   | 17400939   | Y22      | YS22        | Lê Hồng        | Phong  | 18/11/1997 | 7.6        | Bảy phẩy sáu  |         |
| 23   | 225268131  | Y23      | YS23        | Nguyễn Thị Thu | Phong  | 27/10/1984 | 7.8        | Bảy phẩy tám  |         |
| 24   | 250916870  | Y24      | YS24        | Nông Minh      | Phúc   | 13/09/1993 | 5.6        | Năm phẩy sáu  |         |
| 25   | 25113579   | Y25      | YS25        | Giang Ngọc     | Phương | 21/10/1993 | 7.6        | Bảy phẩy sáu  |         |
| 26   | 25807436   | Y26      | YS26        | Lê Uyên        | Phương | 28/08/1996 | 7.1        | Bảy phẩy một  |         |
| 27   | 251028622  | Y27      | YS27        | Phạm Duy       | Phương | 27/04/1994 | 8.1        | Tám phẩy một  |         |
| 28   | 4.9185E+10 | Y28      | YS28        | Cao Thị        | Phượng | 04/11/1985 | 8.5        | Tám phẩy năm  |         |

| STT     | MSHS       | Số<br>BD | Số<br>phách | HỌ LÓT             | TÊN    | NGÀY SINH   | ĐIỂM<br>SỐ | ĐIỂM CHỮ         | GHI CHÚ |
|---------|------------|----------|-------------|--------------------|--------|-------------|------------|------------------|---------|
| 29      | 351253623  | Y29      | YS29        | Dương Thị          | Phượng | 05/05/1980  | 5.4        | Năm phẩy bốn     |         |
| 30      | 271964308  | Y30      | YS30        | Nguyễn Hồng        | Phượng | 19/05/1990  | 7.1        | Bảy phẩy một     |         |
| 31      | 184200911  | Y31      | YS31        | Nguyễn Thị         | Quỳnh  | 04/05/1995  | 9.0        | Chín             |         |
| 32      | 212715225  | Y32      | YS32        | Lê Đông            | Sa     | 01/02/1995  | 8.1        | Tám phẩy một     |         |
| 33      | 272176786  | Y33      | YS33        | Đinh Nguyễn Phương | Thanh  | 07/07/1992  | 6.4        | Sáu phẩy bốn     |         |
| 34      | 164529532  | Y34      | YS34        | Ngô Văn            | Thành  | 26/03/1994  | 7.2        | Bảy phẩy hai     |         |
| 35      | 172657525  | Y35      | YS35        | Nguyễn Hữu         | Thành  | 18/12/1987  | 8.0        | Tám              |         |
| 36      | 2307685661 | Y36      | YS36        | Nguyễn Minh        | Thành  | 15/06/1990  | 8.5        | Tám phẩy năm     |         |
| 37      | 131070417  | Y37      | YS37        | Ngô Phương         | Thảo   | 02/07/1992  | 7.7        | Bảy phẩy bảy     |         |
| 38      | 25294249   | Y38      | YS38        | Nguyễn Thanh       | Thảo   | 10/09/1993  | 7.4        | Bảy phẩy bốn     |         |
| 39      | 9.6192E+10 | Y39      | YS39        | Nguyễn Thị Ngọc    | Thảo   | 15/11/1992  | 6.2        | Sáu phẩy hai     |         |
| 40      | 7.9061E+10 | Y40      | YS40        | Nguyễn Anh         | Thi    | 12/09/1961  | 5.7        | Năm phẩy bảy     |         |
| 41      | 264427448  | Y41      | YS41        | Lê Thị Kim         | Thoa   | 16/11/1994  | 7.7        | Bảy phẩy bảy     |         |
| 42      | 261336916  | Y42      | YS42        | Lương Thị Thanh    | Thư    | 29/09/1995  | 7.8        | Bảy phẩy tám     |         |
| 43      | 273415905  | Y43      | YS43        | Nguyễn Văn         | Thương | 29/03//1990 | 6.8        | Sáu phẩy tám     |         |
| 44      | 215183784  | Y44      | YS44        | Đặng Thị           | Thủy   | 02/09/1991  | 8.1        | Tám phẩy một     |         |
| 45      | 250797568  | Y45      | YS45        | Hà Thị             | Thủy   | 15/09/1989  | 8.4        | Tám phẩy bốn     |         |
| 46      | 352211096  | Y46      | YS46        | Nguyễn Thị Thu     | Thủy   | 16/05/1994  | 7.6        | Bảy phẩy sáu một |         |
| 47      | 24457360   | Y47      |             | Hồng Khánh         | Toàn   | 13/10/1991  | VT         | VT               |         |
| 48      | 121079663  | Y48      | YS48        | Ngô Anh            | Toàn   | 15/05/1993  | 4.1        | Bốn phẩy một     |         |
| 49      | 385465847  | Y49      | YS47        | Nguyễn Văn         | Toàn   | 02/01/1989  | 7.3        | Bảy phẩy ba      |         |
| 50      | 23679118   | Y50      | YS49        | Nguyễn Thị Ngọc    | Trâm   | 25/01/1986  | 8.0        | Tám              |         |
| 51      | 341562765  | Y51      | YS50        | Phạm Ngọc Xuân     | Trang  | 03/07/1990  | 6.3        | Sáu phẩy ba      |         |
| 52      | 24457292   | Y52      |             | Ngô Trọng Minh     | Triết  | 31/01/1991  | VT         | VT               |         |
| 53      | 25931840   | Y53      | YS51        | Nguyễn Thị Thuỳ    | Trinh  | 17/09/1978  | 6.2        | Sáu phẩy hai     |         |
| 54      | 272625084  | Y54      |             | Phan Công          | Tùng   | 09/04/1998  | VT         | VT               |         |
| 55      | 212637923  | Y55      | YS52        | Võ Đình            | Tường  | 06/08/1988  | 7.0        | Bảy              |         |
| 56      | 215087448  | Y56      | YS53        | Nguyễn Thị         | Tường  | 26/10/1987  | 8.6        | Tám phẩy sáu     |         |
| 57      | 121079372  | Y57      | YS54        | Nguyễn Đồng        | Vàng   | 12/08/1993  | 7.2        | Bảy phẩy hai     |         |
| 58      | 3622775682 | Y58      | YS55        | Nguyễn Quốc        | Việt   | 04/16/1990  | 6.4        | Sáu phẩy bốn     |         |
| 59      | 212255494  | Y59      | YS56        | Nguyễn Minh        | Vỹ     | 29/01/1991  | 6.2        | Sáu phẩy hai     |         |
| 60      | 285576454  | Y60      | YS57        | Nguyễn Thị Hồng    | Thắm   | 22/07/1995  | 7.6        | Bảy phẩy sáu     |         |
| 61      | 121077772  | Y61      | YS58        | Hoàng Đức          | Cánh   | 13/10/1996  | 6.6        | Sáu phẩy sáu     |         |
| 62      | 272249425  | Y62      | YS60        | Lê Duy Gia         | Lộc    | 20/02/1993  | 7.6        | Bảy phẩy sáu     |         |
| DUỘC SĨ |            |          |             |                    |        |             |            |                  |         |
| 1       | 212462991  | D01      | DS01        | Nguyễn Thị Hoàng   | Anh    | 28/02/1999  | 6.8        | Sáu phẩy tám     |         |
| 2       | 25256795   | D02      | DS02        | Phạm Nguyễn Đăng   | Anh    | 01/04/1995  | 8.6        | Tám phẩy sáu     |         |
| 3       | 261525340  | D03      | DS03        | Huỳnh Lê Phúc      | Bảo    | 27/09/1998  | 7.1        | Bảy phẩy một     |         |

| STT        | MSHS       | Số BD | Số phách | HỌ LÓT             | TÊN    | NGÀY SINH  | ĐIỂM SỐ | ĐIỂM CHỮ     | GHI CHÚ |
|------------|------------|-------|----------|--------------------|--------|------------|---------|--------------|---------|
| 4          | 25412212   | D06   | DS04     | Nguyễn Thị Diễm    | Châu   | 03/10/1973 | 8.6     | Tám phẩy sáu |         |
| 5          | 164506080  | D07   | DS05     | Phạm Minh          | Chiến  | 17/05/1993 | 6.2     | Sáu phẩy hai |         |
| 6          | 24606687   | D08   | DS06     | Nguyễn Tấn         | Cường  | 12/09/1988 | 8.3     | Tám phẩy ba  |         |
| 7          | 22903233   | D10   | DS07     | Lâm Thị            | Đứng   | 01/09/1971 | 7.6     | Bảy phẩy sáu |         |
| 8          | 131051139  | D11   | DS08     | Nguyễn Thị Thùy    | Dương  | 12/02/1988 | 6.4     | Sáu phẩy bốn |         |
| 9          | 365733508  | D12   | DS09     | Võ Thị             | Hằng   | 20/4/1986  | 7.0     | Bảy          |         |
| 10         | 23909455   | D13   | DS10     | Trần Thị Ngọc      | Hoa    | 04/12/1986 | 8.1     | Tám phẩy một |         |
| 11         | 261148422  | D14   | DS11     | Phan Dương         | Hòa    | 29/09/1989 | 7.7     | Bảy phẩy bảy |         |
| 12         | 23753592   | D15   | DS12     | Võ Thị Thu         | Hương  | 27/10/1982 | 8.3     | Tám phẩy ba  |         |
| 13         | 273627984  | D16   | DS13     | Lê Thị Hương       | Lan    | 22/07/1996 | 8.4     | Tám phẩy bốn |         |
| 14         | 24088350   | D17   | DS14     | Huỳnh Ái           | Linh   | 01/09/1988 | 8.3     | Tám phẩy ba  |         |
| 15         | 24898969   | D18   | DS15     | Lưu Ngọc           | Mai    | 02/06/1993 | 7.3     | Bảy phẩy ba  |         |
| 16         | 341811348  | D19   | DS16     | Trần Thị Ngọc      | Mai    | 15/11/1996 | 8.2     | Tám phẩy hai |         |
| 17         | 25812563   | D21   | DS17     | Trần Thị Kiều      | Minh   | 28/05/1981 | 7.8     | Bảy phẩy tám |         |
| 18         | 215146167  | D22   | DS18     | Tô Thị Liễu        | Mơ     | 10/03/1991 | 7.5     | Bảy phẩy năm |         |
| 19         | 381796167  | D23   | DS19     | Lý Diễm            | My     | 25/05/1994 | 8.0     | Tám          |         |
| 20         | 25804465   | D24   | DS20     | Trương Huỳnh Hoàng | My     | 12/07/1998 | 6.4     | Sáu phẩy bốn |         |
| 21         | 3.5195E+10 | D25   | DS21     | Đỗ Thị Khánh       | Ngọc   | 27/12/1995 | 8.8     | Tám phẩy tám |         |
| 22         | 1199011582 | D26   | DS22     | Đỗ Thị Minh        | Ngọc   | 07/09/1999 | 7.1     | Bảy phẩy một |         |
| 23         | 25100780   | D27   | DS23     | Lâm Thị Kim        | Ngọc   | 17/06/1993 | 8.0     | Tám          |         |
| 24         | 25256749   | D28   | DS24     | Lê Trung           | Nguyên | 21/03/1995 | 7.7     | Bảy phẩy bảy |         |
| 25         | 25265037   | D29   | DS25     | Lý Kim             | Nguyên | 17/11/1995 | 6.2     | Sáu phẩy hai |         |
| 26         | 187155751  | D30   | DS26     | Trần Thị           | Nguyệt | 10/03/1994 | 7.8     | Bảy phẩy tám |         |
| 27         | 205524607  | D31   | DS27     | Phan Thị Mỹ        | Nhân   | 14/03/1990 | 6.8     | Sáu phẩy tám |         |
| 28         | 312340068  | D33   | DS28     | Cao Trần Linh      | Nhi    | 23/12/1997 | 7.4     | Bảy phẩy bốn |         |
| 29         | 334486676  | D34   | DS29     | Châu Hoàng         | Quận   | 20/06/1987 | 8.2     | Tám phẩy hai |         |
| 30         | 25174267   | D35   | DS30     | Lê Thái            | Quyên  | 15/08/1993 | 7.8     | Bảy phẩy tám |         |
| 31         | 121059233  | D37   | DS31     | Nguyễn Thị Phương  | Thảo   | 08/10/1990 | 8.6     | Tám phẩy sáu |         |
| 32         | 251223061  | D38   | DS32     | Trần Thị Thanh     | Thảo   | 28/08/1991 | 7.3     | Bảy phẩy ba  |         |
| 33         | 22854663   | D39   | DS33     | Nguyễn Đỗ Anh      | Thư    | 02/05/1976 | 7.5     | Bảy phẩy năm |         |
| 34         | 241584784  | D40   | DS34     | Huỳnh Hữu          | Thuận  | 12/05/1997 | 5.6     | Năm phẩy sáu |         |
| 35         | 25879337   | D41   | DS35     | Ứng Thị Kim        | Thúy   | 05/07/1979 | 8.3     | Tám phẩy ba  |         |
| 36         | 321453387  | D42   | DS36     | Võ Nhật            | Tiến   | 02/04/1993 | 7.2     | Bảy phẩy hai |         |
| 37         | 281050769  | D44   | DS37     | Trương Minh        | Tuấn   | 06/09/1992 | 8.8     | Tám phẩy tám |         |
| 38         | 311929971  | D45   | DS38     | Võ Thị Quỳnh       | Uyển   | 23/12/1987 | 7.8     | Bảy phẩy tám |         |
| 39         | 25026751   | D46   | DS39     | Trương Thị Hoài    | Vi     | 02/11/1980 | 8.4     | Tám phẩy bốn |         |
| 40         | 25287777   | D47   | DS40     | Nguyễn Khánh       | Vy     | 11/02/1996 | 8.8     | Tám phẩy tám |         |
| ĐIỀU DƯỠNG |            |       |          |                    |        |            |         |              |         |
| 1          | 141060886  | DD01  | DD01     | Phan Thị Mỹ        | Hạnh   | 29/09/1986 | 7.5     | Bảy phẩy năm |         |
| 2          | 281182857  | DD02  | DD02     | Vũ Thị Bích        | Hạnh   | 26/11/1988 | 7.8     | Bảy phẩy tám |         |
| 3          | 141060877  | DD03  | DD03     | Ngô Chi            | Hoàng  | 19/11/1991 | 6.3     | Sáu phẩy ba  |         |
| 4          | 245043803  | DD04  | DD04     | Hồ Thị Kim         | Liên   | 30/11/1968 | 7.5     | Bảy phẩy năm |         |
| 5          | 23261902   | DD05  | DD05     | Đào Thị Thanh      | Miền   | 20/07/1973 | 8.5     | Tám phẩy năm |         |
| 6          | 3.6168E+10 | DD06  | DD06     | Phạm Thị           | Phòng  | 03/05/1968 | 7.0     | Bảy          |         |

| STT            | MSHS       | Số<br>BD | Số<br>phách | HỌ LÓT           | TÊN    | NGÀY SINH  | ĐIỂM<br>SỐ | ĐIỂM CHỮ      | GHI CHÚ |
|----------------|------------|----------|-------------|------------------|--------|------------|------------|---------------|---------|
| 7              | 24485965   | DD07     | DD07        | Nguyễn Phương    | Tâm    | 28/06/1989 | 6.3        | Sáu phẩy ba   |         |
| 8              | 23924072   | DD08     | DD08        | Nguyễn Thị       | Thắm   | 15/07/1970 | 8.0        | Tám           |         |
| 9              | 22789257   | DD09     | DD09        | Nguyễn Thụy Minh | Thương | 31/12/1977 | 8.5        | Tám phẩy năm  |         |
| 10             | 23852762   | DD10     | DD10        | Lục Lê           | Vân    | 04/10/1985 | 9.0        | Chín          |         |
| 11             | 7.93E+10   | DD11     | DD11        | Lê Hoàng         | Chinh  | 04/04/2000 | 9.0        | Chín          |         |
| 12             | 24605751   | DD12     | DD12        | Phan Thị         | Lượng  | 09/01/1959 | 7.0        | Bảy           |         |
| 13             | 221233024  | DD13     | DD13        | Lê Thị Lâm       | Xinh   | 17/02/1985 | 8.5        | Tám phẩy năm  |         |
| Y SĨ CỔ TRUYỀN |            |          |             |                  |        |            |            |               |         |
| 1              | 151510771  | CT01     | YH01        | Nguyễn Thị       | Cúc    | 13/07/1986 | 8.0        | Tám           |         |
| 2              | 3.7072E+10 | CT02     | YH02        | Tạ Kim           | Hoàn   | 16/08/1972 | 9.0        | Chín          |         |
| 3              | 23349441   | CT03     | YH03        | Trần Thanh       | Thủy   | 06/02/1983 | 9.0        | Chín          |         |
| 4              | 280825680  | CT04     | YH04        | Võ Quang         | Trực   | 05/10/1984 | 9.3        | Chín phẩy Ba  |         |
| 5              | 25972085   | CT05     | YH05        | Nguyễn Nam       | Thắng  | 20/02/1969 | 9.5        | Chín phẩy năm |         |
| 6              | 312257085  | CT06     | YH06        | Huỳnh Thị        | Nhi    | 23/12/1990 | 8.0        | Tám           |         |
| 7              | 385718695  | CT07     | YH07        | Trần Quốc        | Đông   | 24/07/1996 | 7.5        | Bảy phẩy năm  |         |

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP

Ngày 31 tháng 12 năm 2018  
BAN KHẢO THÍ

Đỗ Minh Hải